

Bản án số: 11/2020/HSST
Ngày 26 - 02- 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sỹ Tổ

Bà Nguyễn Thị Hoa(P.CT Hội phụ nữ huyện)

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa:
Ông Luyện Văn Thông - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm, kín vụ án hình sự thụ lý số: 10/2020/HSST, ngày 05 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

+ Bị cáo **Phạm Văn Đ** - sinh ngày 22 tháng 4 năm 1998 tại xã H, huyện Y, tỉnh N; nơi cư trú: xóm 11, xã H, huyện Y, tỉnh N; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ và bà Hồ Thị T; vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tại bản án số 90 ngày 15/8/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh N xử phạt 03 tháng tù, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; tạm giữ, tạm giam: từ ngày 11/8/2019 đến nay, có mặt.

- Người bị hại: cháu Thái Thị B, sinh ngày 08/7/2005(xin vắng mặt)

Đại diện hợp pháp của người bị hại: chị Phan Thị L, sinh năm 1980(có mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị H, sinh năm 1959(có mặt)

Đều trú tại: xóm 3, xã V, huyện Y, tỉnh N

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại: Bà Phan Thị T, Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh N – Chi nhánh số 1(có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 09 tháng 8 năm 2019, Phạm Văn Đ cùng với cháu Thái Thị B sinh ngày 08/7/2005 trú xóm 3, xã V, huyện Y, tỉnh N và một số bạn bè của Đ đi hát Karaoke tại quán Karaoke 79 thuộc khối 3, thị trấn Y, huyện Y. Trong quá trình hát Karaoke, Đ có đưa cho cháu B 200.000 đồng và nói “cầm tiền tí nữa đi ăn chi rồi thuê phòng mà nghỉ” thì cháu B đồng ý. Sau khi hát xong, Đ điều khiển xe máy chở cháu B đến nhà nghỉ X5 thuộc khối 3, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh N để thuê phòng nghỉ. Lúc tới nơi, Đ thuê phòng 204 cho cháu B nghỉ rồi tiếp tục đi chơi cùng bạn bè. Đến khoảng 02 giờ ngày 10/8/2019, Đ cũng đi đến nhà nghỉ X5 để nghỉ. Khi vào nhà nghỉ, Đ gặp nhân viên lễ tân nhà nghỉ và có hỏi “hắn rằng rồi” (nghĩa là hỏi về cháu B) thì lễ tân trả lời “có thằng ngủ với hắn trên rồi”, Đ nói tiếp “đưa chìa khóa lên coi thằng mô mờ”, lễ tân nói “thôi để hắn ngủ”. Sau đó, Đ thuê phòng 501 để nghỉ ngơi, khi đi qua phòng 204 Đ có gõ cửa thì cháu B mở cửa phòng và lên giường ngủ. Lúc này, Đ vào phòng thì thấy anh Nguyễn Cảnh L sinh năm 2002, trú xóm 1, xã X, huyện Y và cháu B đang ngủ trong phòng, Đ gọi L dậy và nói “anh thuê phòng 501 mi lên đó mà nghỉ” thì L đồng ý. L ra khỏi phòng, Đ khóa cửa phòng và lên giường ngủ cùng cháu B. Quá trình nằm trên giường Đ nảy sinh ý định quan hệ tình dục với cháu B nên dùng tay ôm và cởi quần cháu B để thực hiện hành vi giao cấu nhưng cháu B không đồng ý và dùng hai tay đẩy người Đ ra. Đ tiếp tục nói chuyện với cháu B, quá trình nói chuyện Đ biết việc người yêu của cháu B là Chu Trung C sinh năm 2001 trú xóm 2, thị trấn Y, huyện Y bị cơ quan Công an huyện Y bắt giữ nên Đ nói “C đi rồi, nhìn cô đơn hầy; cháu B nói “kệ tau”, Đ nói “im đi rồi anh lo cho, mi coi trong đám bạn có ai lo cho mi như anh không? Mi cho tau xoạc rồi bữa sau tau chuộc điện thoại ra cho, bữa sau tau đưa đi gặp thằng C” (“xoạc” tức là quan hệ tình dục). Sau khi nghe Đ dụ dỗ và tin vào lời nói của Đ, cháu B nói “để cho ngủ 05 phút rồi dậy tau cho xoạc” (nghĩa là đồng ý cho Đ quan hệ tình dục). Một lúc sau, Đ gọi cháu B dậy và nói “lúc nãy hứa rồi giờ dậy làm đi” thì cháu B đồng ý. Lúc này, Đ dùng tay cởi quần dài và quần lót của cháu B ra đồng thời cởi quần mình ra, Đ cầm dương vật chạm vào âm đạo của Cháu B nhưng do dương vật của Đ không cương cứng được nên Đ không quan hệ tình dục với cháu B được. Đ và cháu B nằm nghỉ một lát, Đ lấy tay cháu B rồi để tay cháu B cầm vào dương vật của Đ để vuốt lên xuống thì dương vật Đ cương cứng. Sau đó, Đ đưa dương vật cho vào âm đạo cháu B để giao cấu được khoảng 30 giây thì Đ không quan hệ nữa vì không xuất tinh được và mệt. Sau khi giao cấu xong, Đ và cháu B mặc quần áo vào và đi ngủ. Ngày 11/8/2019, Đ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y để đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Ngày 15/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định trưng cầu giám định Viện khoa học hình sự Bộ Công an về chất dịch nhầy thu trong âm đạo của cháu B. Ngày 19/8/2019 cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định trưng cầu giám định Trung tâm pháp y tỉnh N yêu cầu giám định về bộ phận sinh dục của cháu B.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 35 ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Trung tâm pháp y tỉnh N kết luận:

+ Trên cơ thể cháu Thái Thị B không có dấu vết tổn thương

+ Màng trinh hình viên, lỗ màng trinh giãn rộng, có vết rách cũ ở vị trí 09 giờ, vết rách sâu tới chân màng trinh.

Tại bản kết luận giám định số 4756 ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: “không phát hiện tinh trùng người trong mẫu ghi thu dịch âm đạo của Thái Thị B gửi tới giám định”.

Tại bản cáo trạng số 17/VKS-HS ngày 04/02/2020 của VKSND huyện Yên Thành đã truy tố Phạm Văn Đ về tội: “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”, theo khoản 1 Điều 145 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật xử phạt bị cáo từ 10 đến 12 tháng tù, tổng hợp với 03 tháng tù tại bản án số 90 ngày 15/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, buộc chấp hành hình phạt chung là 13-15 tháng tù. Bị cáo không có tranh luận gì, chỉ xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại thừa nhận việc khởi tố, truy tố, xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nhưng cũng cần phải có hình phạt đúng mức nhằm đề răn đe và phòng ngừa chung.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ buộc tội: Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, điều tra viên; Viện kiểm sát, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai của người bị hại, người liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ kết luận khoảng hơn 2h sáng ngày 10/8/2019 tại nhà nghỉ X5 thuộc khối 3, thị trấn Y, huyện Y bị cáo Đ đã có hành vi quan hệ tình dục với cháu B. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành truy tố bị cáo về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”, theo khoản 1 Điều 145 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự phát triển bình thường về thể chất và sinh lý của người bị hại; xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của người bị hại được pháp luật bảo vệ, gây lo lắng, bất an cho

người dân. Vì thế, cần phải xử lý bằng biện pháp hình sự để giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[2] Về tình tiết tăng nặng: Không.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Đã có ý thức bồi thường, khắc phục hậu quả xảy ra. Mặt khác, sau phạm tội đã ra đầu thú tại Cơ quan điều tra, gia đình bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bản thân có công giúp người bị nạn trong vụ tai nạn giao thông đường bộ; tuổi đời bị cáo còn rất trẻ, suy nghĩ và hành động còn nông nổi. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ về hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, song phải tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng, đủ để răn đe, cải tạo bị cáo. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 điều 51BLHS nên cần áp dụng khoản 3 điều 54 BLHS để xử phạt dưới mức thấp nhất như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng là phù hợp. Cần áp dụng điều 56 BLHS tổng hợp với 03 tháng tù tại bản án số 90 ngày 15/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 2 bản án;

[3] Về dân sự: Bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả 10.000.000 đồng. Người bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

[4] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ: Khoản 1 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 3 điều 54; điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Phạm Văn Đ 10**(mười) tháng tù về tội: “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”. Tổng hợp với 03 tháng tù tại bản án số 90 ngày 15/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 2 bản án là: **13**(mười ba) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam: từ ngày 11/8/2019, nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 04/5/2019 – 13/5/2019 của bản án số 90 ngày 15/8/2019 nêu trên.

[2] Án phí: Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc Phạm Văn Đ phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[3] Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Công an YT
- Viện kiểm sát YT
- Viện kiểm sát Tỉnh
- Sở tư pháp NA
- Tòa án Tỉnh
- THA hình sự;
- THA Dân sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, lưu VP.

Phạm Văn Giang